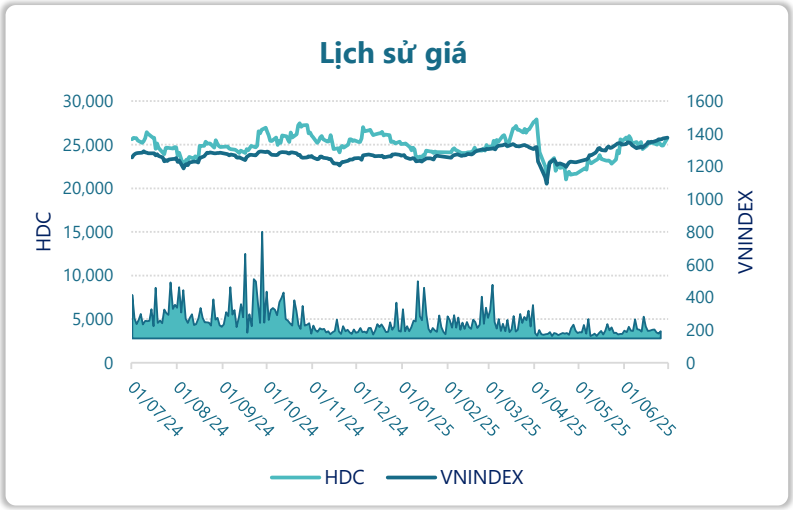
FireAnt

CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HSX: HDC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,950
SL cổ phiếu LH	178,354,966
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,105,160
% sở hữu nước ngoài	5.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,593
P/E	54.2
EPS	475

DT thuần

Q2/25

80.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.8| -19.0%

YoY: ▼91.8| -53.4%

LN sau thuế

Q2/25

58.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.4| 324%

YoY: ▲ 7.60| 15.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

110%

+/- YoY: ▲ 63.1%

DT thuần

6T 2025

179

tỷ VNĐ

YoY: ▼78.0| -30.2%

LN sau thuế

6T 2025

71.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.2| 39.0%

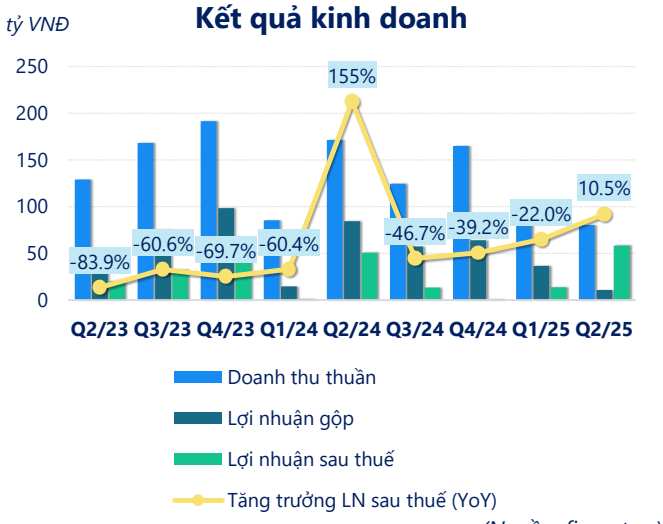
ROE

Q2/25

3.7%

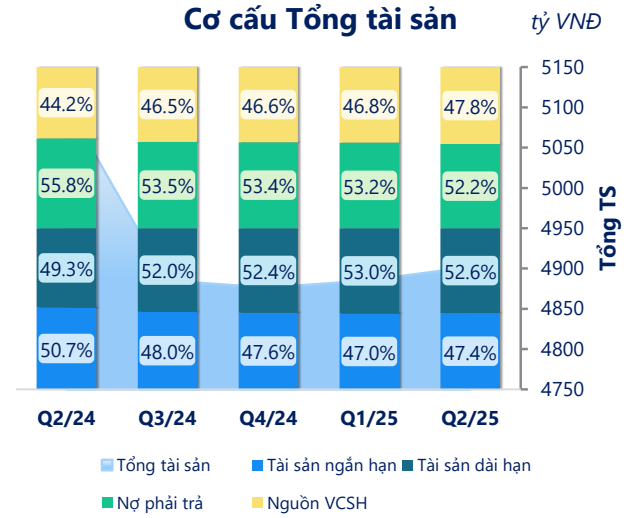
+/- YoY: ▼ 2.7%

Kết quả kinh doanh



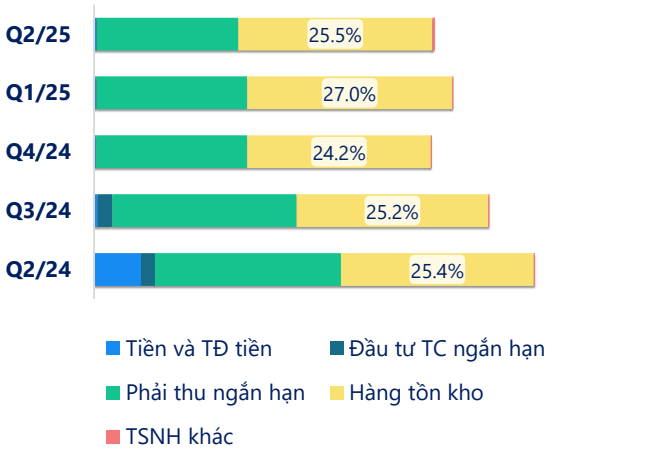
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



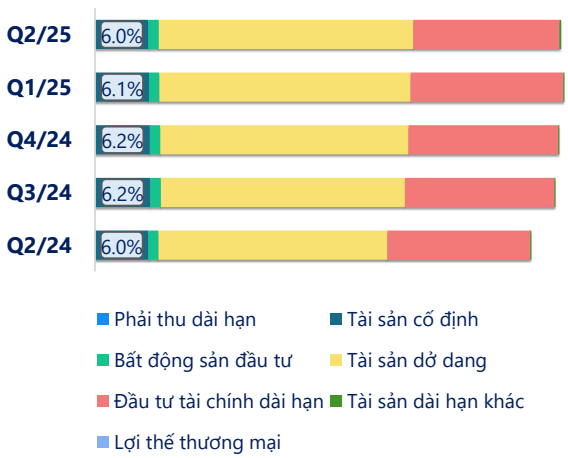
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



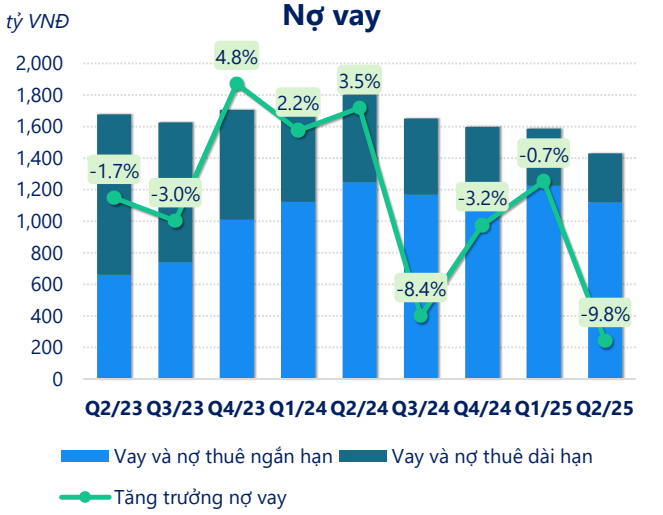
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



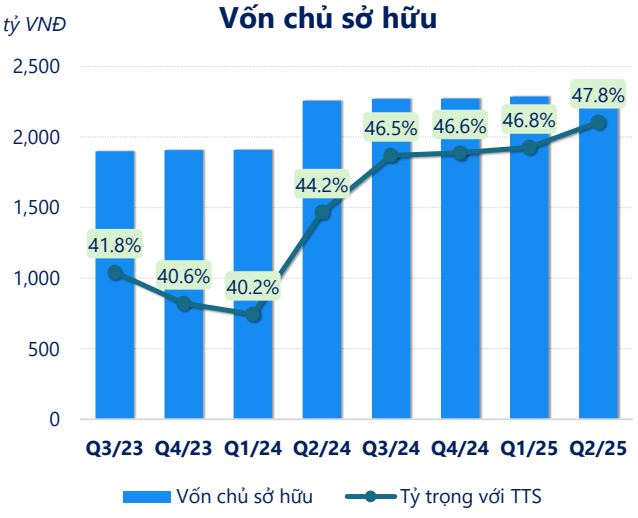
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



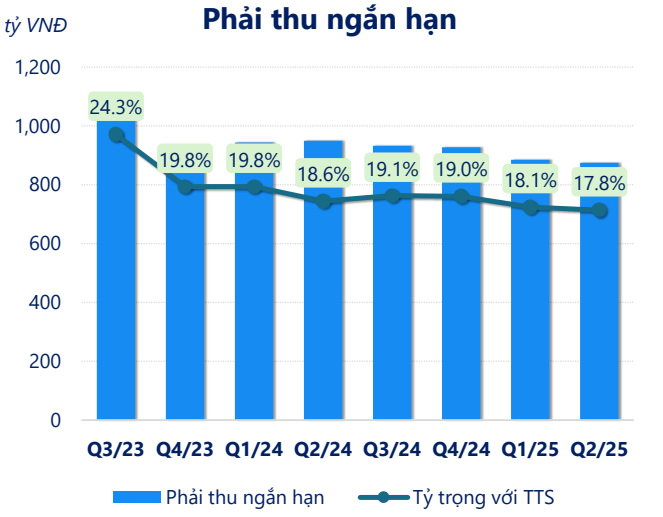
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



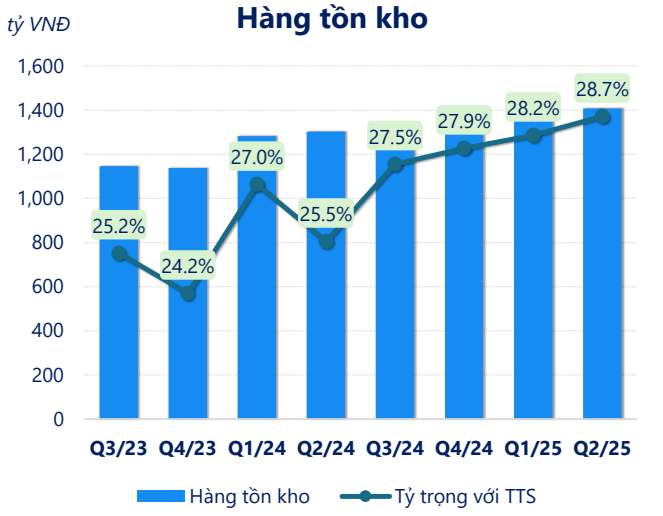
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



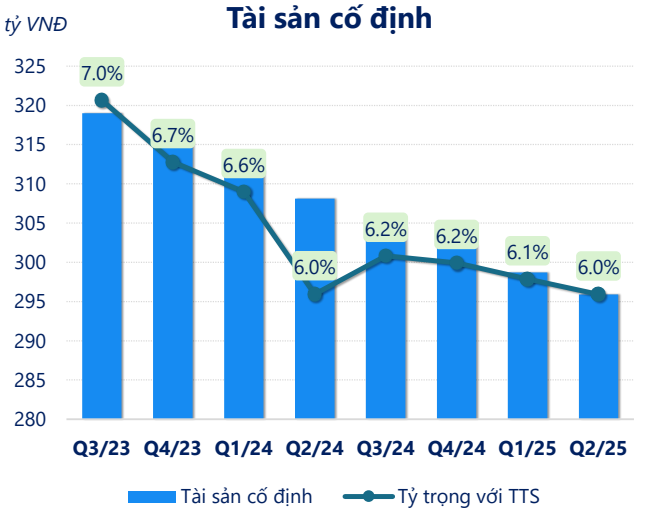
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



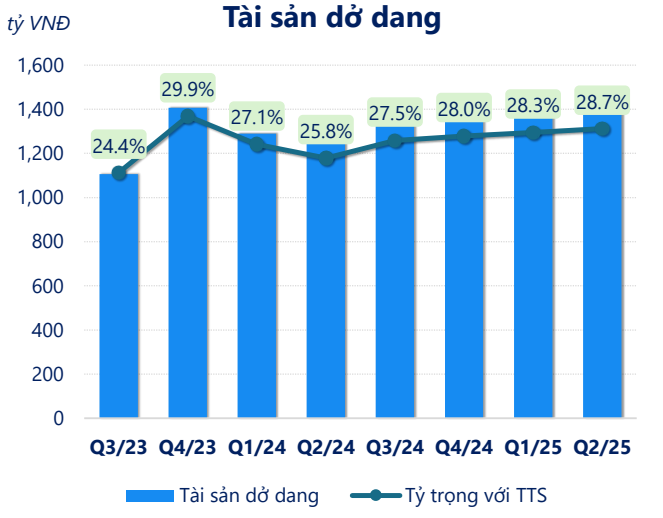
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



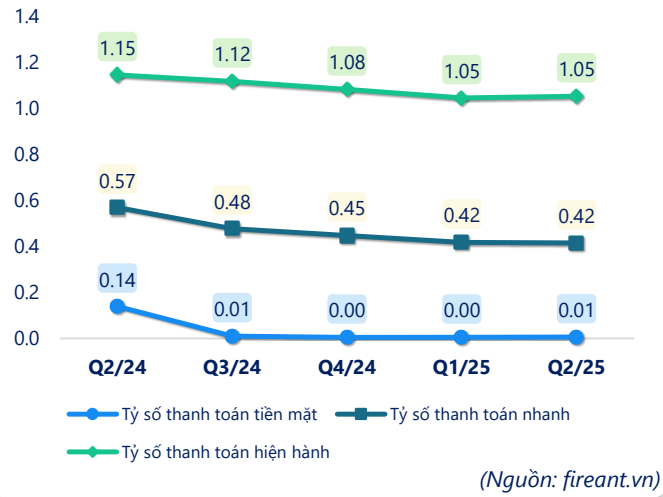
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



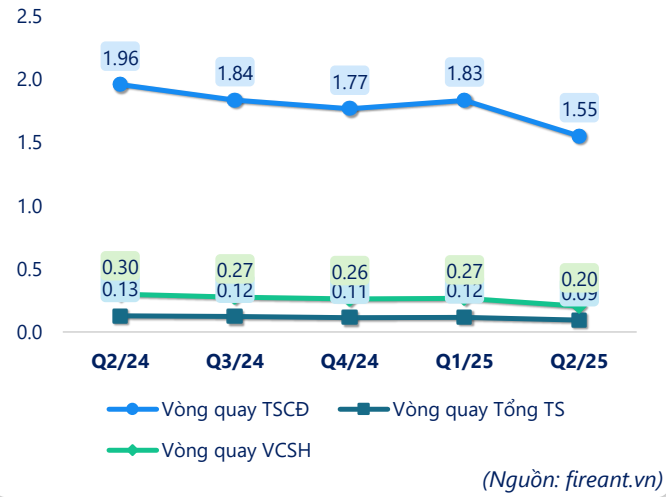
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,103**	**4,885**	**4,876**	**4,885**	**4,902**
Tài sản ngắn hạn	**2,589**	**2,346**	**2,321**	**2,298**	**2,324**
Tiền và tương đương tiền	315	22.6	10.3	10.8	14.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.61	4.61	4.61	4.61	4.62
Phải thu ngắn hạn	949	932	928	885	874
Hàng tồn kho	1,303	1,344	1,361	1,379	1,408
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	42.9	17.6	18.5	22.3
Tài sản dài hạn	**2,514**	**2,539**	**2,555**	**2,587**	**2,579**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	308	305	302	299	296
Bất động sản đầu tư	58.6	58.2	57.8	57.4	57.0
Tài sản dở dang	1,317	1,345	1,365	1,384	1,407
Đầu tư tài chính dài hạn	823	825	824	840	809
Tài sản dài hạn khác	7.00	6.55	6.79	6.52	9.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,846**	**2,615**	**2,605**	**2,600**	**2,559**
Nợ ngắn hạn	**2,260**	**2,098**	**2,143**	**2,197**	**2,205**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,247	1,167	1,176	1,225	1,118
Phải trả người bán ngắn hạn	248	240	212	200	222
Nợ dài hạn	586	517	463	402	354
Vay và nợ thuê dài hạn	555	484	422	361	312
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,257**	**2,270**	**2,271**	**2,286**	**2,343**
Vốn chủ sở hữu	**2,257**	**2,270**	**2,271**	**2,286**	**2,343**
Vốn điều lệ	1,551	1,784	1,784	1,784	1,784
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)